

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 11
TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ 1 – LỚP 8
NĂM HỌC 2021 - 2022

1. MÔN NGỮ VĂN

KHỐI	NĂNG LỰC CẦN ĐÁNH GIÁ	NỘI DUNG	MỨC ĐỘ		VAĂN DŨNG		CỘNG
			NHẬN BIẾT	THÔNG HIỂU	CAÁP ÑOẢ THẤP	CAÁP ÑOẢ CAO	
KHỐI 8	Năng lực đọc hiểu- giải mã văn bản	Văn bản: truyện kí Việt Nam 1930 – 1945 <i>Lưu ý: văn bản không chỉ nằm trong sách giáo khoa.</i> - Những bài báo, câu chuyện từ thực tế cuộc sống.	(1đ) Tác giả- tác phẩm, đặc điểm nhân vật, phương thức biểu đạt, nội dung, ...	(2đ) Trả lời bằng đoạn văn ngắn về ý nghĩa của chi tiết, bài học,...			3đ
	Năng lực tái hiện và vận dụng	Tiếng Việt: - Trường từ vựng - Từ tượng hình, từ tượng thanh, trợ từ, than từ, tình thái từ		(0,5đ) - Xác định trường từ vựng và các từ thuộc trường từ vựng - Xác định được : trợ từ, từ tượng hình, từ tượng thanh, tình thái từ	(0,5đ) -Tác dụng đặt câu		1đ
	Năng lực tạo lập văn bản					Viết văn bản tự sự	6đ

2. MÔN TOÁN

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1

A. LÝ THUYẾT:

I) Đại Số:

- Nhân đơn thức với đa thức, nhân đa thức với đa thức
- 7 hằng đẳng thức đáng nhớ.
- Phân tích đa thức thành nhân tử: Phương pháp đặt nhân tử chung, dùng hằng đẳng thức, nhóm hạng tử
- Chia đơn thức cho đơn thức, chia đa thức cho đơn thức, chia đa thức một biến đã sắp xếp
- Hai phân thức bằng nhau, tính chất cơ bản của phân thức, rút gọn phân thức, quy đồng mẫu các phân thức.
- Phép cộng, trừ, nhân các phân thức đại số.

II) Hình Học:

- Tổng các góc của 1 tứ giác.
- Tính chất và dấu hiệu nhận biết của hình thang, hình thang vuông, hình thang cân.
- Tính chất và dấu hiệu nhận biết của hình bình hành, hình chữ nhật, hình thoi, hình vuông.
- Đường trung bình của tam giác, của hình thang.
- Đối xứng trục, đối xứng tâm
- Diện tích đa giác, hình chữ nhật, hình vuông, tam giác, tam giác vuông.

B. BÀI TẬP TỰ ÔN:

Chọn câu trả lời đúng nhất:

Câu 1: Tích $\frac{1}{3}xy(-9x^2y)$ bằng

- A. $2x^2y$ B. $-\frac{1}{3}x^3y^2$ C. $-3x^3y^2$ D. $-3x^2y^2$

Câu 2: Tích $3x^2(2x - x^2 - 3)$ bằng

- A. $6x^2 - 3x^2 - 9x^3$ B. $6x^3 - 3x^4 + 9x^2$
C. $6x^3 - 3x^4 - 9x^2$ D. $6x^2 - 3x^4 - 9x^2$

Câu 3: Tính $(3x - y)^2$ bằng

- A. $3x^2 - 6xy + y^2$ B. $9x^2 - 6xy + y^2$
C. $9x^2 + 6xy + y^2$ D. $9x^2 - 6xy - y^2$

Câu 4: Kết quả của phép tính $(2x + 1)(5x + 3) - x(10x + 11)$ là :

- A. 3 B. $11x + 3$ C. $22x$ D. $x + 3$

Câu 5: Tính $(3x - 2y)(3x + 2y)$ bằng

- A. $3x^2 - 2y^2$ B. $6x^2 - 4y^2$ C. $9x^2 - 6y^2$ D. $9x^2 - 4y^2$

Câu 6: Tính $(x + 4)^2$ bằng

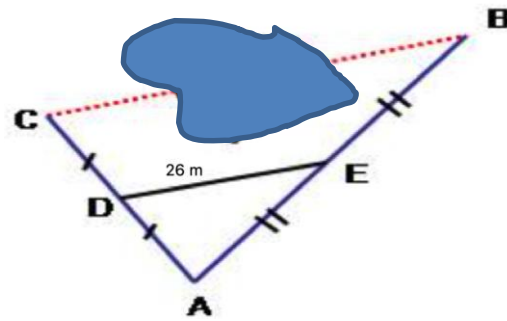
- A. $x^2 + 8x + 16$ B. $x^2 - 8x + 8$
C. $x^2 + 6x - 6$ D. $x^2 - 8x + 16$

Câu 7: Tính $(2y + 1)^2 - 4y^2$ bằng

- A. $4y - 1$ B. $1 - 4y$ C. $4x - 1 + 8y^2$ D. $4y +$

1

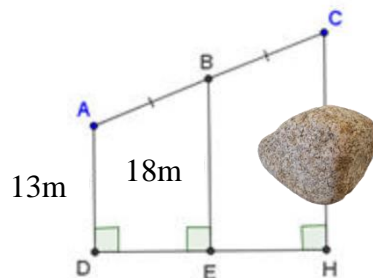
Câu 8: Để tính khoảng cách giữa 2 cọc C và B bị ngăn bởi một vật cản, người ta thực hiện thao tác như mô hình sau.



Độ dài CB là:

- A. 26m B. 104m C. 52m D. 13m

Câu 9: Để tính khoảng cách giữa 2 cọc C và H bị ngăn bởi một hòn đá to, người ta thực hiện thao tác như mô hình sau.



Độ dài CH là:

- A. 62m B. 31m C. 8m D. 23m

Câu 10: Phân tích đa thức $6x^3y^4 - 15x^2y + 3xy$ thành nhân tử có kết quả là

- A. $3xy(2x^2y^3 - 5xy)$ B. $3xy(2x^2y^3 - 5x + 3)$
 C. $3xy(2x^2y^3 - 5x + 1)$ D. $3xy(2x^2y^3 - x + 4y)$

Câu 11: Đẳng thức nào sau đây là đúng

- A. $4x^3y^2 - 8x^2y^3 = 4x^2y(xy + 2y^2)$ B. $4x^3y^2 - 8x^2y^3 = 4x^2y^2(x - 2y)$
 C. $4x^3y^2 - x^2y^3 = 4x^2y^2(x - 2y)$ D. $4x^3y^2 - 8x^2y^3 = 4x^2y^2(x + 2y)$

Câu 12: Phân tích đa thức $3x(3x - y) - 8y(3x - y)$ thành nhân tử có kết quả là

- A. $(3x - y) \cdot (3x - 8y)$ B. $(3x - y) \cdot (x - y)$
 C. $(x - 3y) \cdot (3x - 8y)$ D. $(3x - y) \cdot (8y - 3x)$

Câu 13: Phân tích đa thức $x^2 - xy + 5x - 5y$ thành nhân tử có kết quả là

- A. $(x - y)(x - 5)$ B. $(x - y)(x + 5)$
 C. $(x + y)(x - 5)$ D. $(x - y) + (x + 5)$

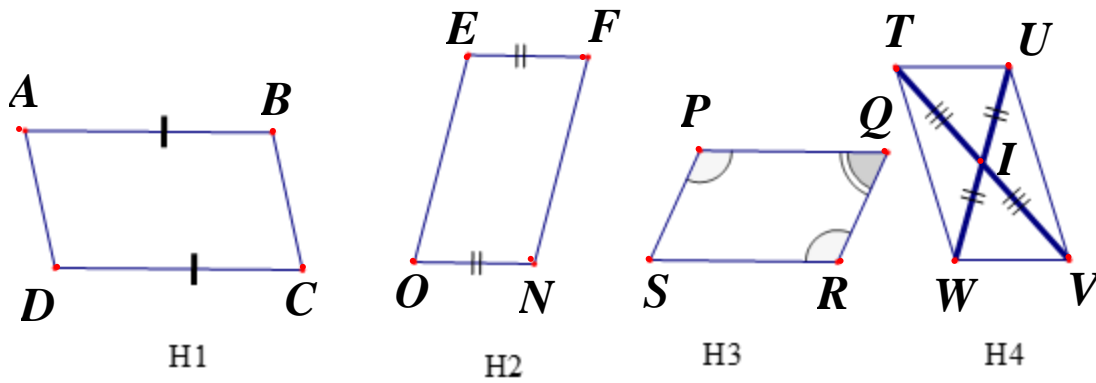
Câu 14: Phân tích đa thức $4y^2 - 25$ thành nhân tử có kết quả là

- A. $(4y - 25)(4y + 25)$ B. $(4y + 5)(4y - 5)$
 C. $(2y + 5)(2y + 5)$ D. $(2y - 5)(2y + 5)$

Câu 15: Phân tích đa thức $x^2 - x + \frac{1}{4}$ thành nhân tử có kết quả là

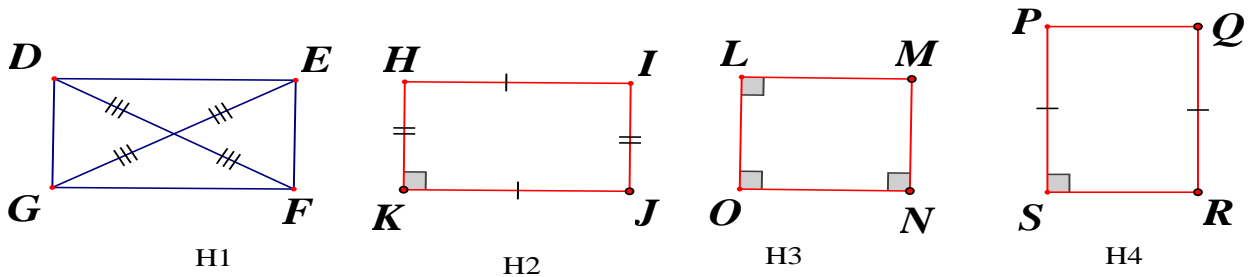
- A. $(x + \frac{1}{2})^2$ B. $(x - \frac{1}{2})^2$ C. $(x - 2)^2$ D. $(x - \frac{1}{4})^2$

Câu 16: Tìm x biết : $x^2 - 25 = 0$. Kết quả là:



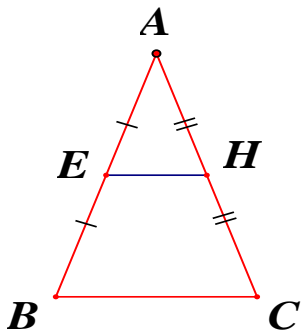
- A. H1 B. H2 C. H3 D. H4

Câu 28: Tứ giác nào sau đây **không đủ điều kiện** để kết luận tứ giác đó là hình chữ nhật?



- A. H1 B. H2 C. H3 D. H4

Câu 29: Cho ΔABC cân tại A có E, H lần lượt là trung điểm AB, AC. Sắp xếp thứ tự sau để chứng minh: Tứ giác BEHC là hình thang cân.

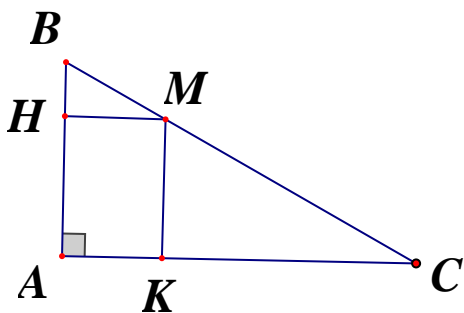


Tam giác ABC có E là trung điểm AB (gt) H là trung điểm AC (gt) (1)	\Rightarrow EH là đường trung bình ΔABC $\Rightarrow EH \parallel BC$ và $EH = \frac{1}{2} BC$ (3)
Mà $\hat{B} = \hat{C}$ (ΔABC cân tại A) (2)	\Rightarrow Tứ giác BEHC là hình thang (4)
	\Rightarrow Tứ giác BEHC là hình thang cân (5)

- A. 1-2-3-4-5 B. 1-3-4-2-5 C. 1-4-3-2-5 D. 1-3-2-4-5

Câu 30: Cho ΔABC vuông tại A, lấy M bất kì thuộc BC. Qua M kẻ $MH \parallel AC$,

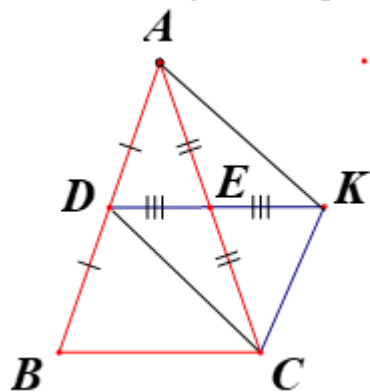
MK // AB (H thuộc AB, K thuộc AC). Sắp xếp thứ tự sau để chứng minh: Tứ giác AHMK là hình chữ nhật.



Tam giác ABC có MH // AK (MH // AC, K thuộc AC) (1)	⇒ tứ giác AHMK là hình bình hành (2)
MK // AH (MK // AB, H thuộc AB) (3)	Mà góc A = 90 ⁰ (gt) ⇒ tứ giác AHMK là hình chữ nhật. (4)

- A. 1-2-3-4 B. 1-3-4-2 C. 1-4-3-2 D. 1-3-2-4

Câu 31: Cho tam giác ABC có D, E theo thứ tự là trung điểm của AB, AC. Gọi K là điểm đối xứng của D qua E.



Sắp xếp thứ tự sau để chứng minh: AK = DC

1. Suy ra tứ giác ADCK là hình bình hành

2. E là trung điểm của AC (gt)

E là trung điểm của DK (gt)

3. Xét tứ giác ADCK có:

4. Suy ra AK = DC

- A. 1-4-3-2 B. 2-3-4-1 C. 3-2-1-4 D. 4-1-2-3

Câu 32:

Điền cụm từ vào chỗ trống trong định nghĩa sau:

Đường trung bình của tam giác là

- A. Đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh bên của hình thang.
 B. Thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh ấy
 C. Đoạn thẳng nối trung điểm hai cạnh của tam giác
 D. Thì song song với hai đáy và bằng nửa tổng hai đáy

Câu 33: Phân thức nào dưới đây bằng với phân thức $\frac{2x^3y^2}{5}$ ($x, y \neq 0$)?

- A. $\frac{14x^3y^4}{35xy}$ ($x, y \neq 0$) B. $\frac{14x^4y^3}{5xy}$ ($x, y \neq 0$)
 C. $\frac{14x^4y^3}{35}$ D. $\frac{14x^4y^3}{35xy}$ ($x, y \neq 0$)

Câu 34: Phân thức nào dưới đây bằng với phân thức $\frac{x+y}{3x}$ (với điều kiện các phân thức đều có nghĩa)?

- A. $\frac{3x(x+y)^2}{9x(x+y)^2}$ B. $\frac{3x(x+y)^2}{9x(x+y)^2}$ C. $\frac{3x(x+y)^3}{9x^2(x+y)^3}$ D. $\frac{3x(x+y)^3}{9x^2(x+y)^2}$

Câu 35: Chọn đáp án **không đúng**?

- A. $\frac{x-3}{x^2-9} = \frac{1}{x+3}$ B. $\frac{3x-3}{3x} = \frac{x-1}{x}$ C. $\frac{x-3}{x^2-9} = \frac{1}{x+3}$ D. $\frac{x(x^2-4)}{2-x} = x(x+2)$

Câu 36: Tìm đa thức M thỏa mãn $\frac{M}{2x-3} = \frac{6x^2+9x}{4x^2-9}$

- A. $M = 6x^2 + 9x$ B. $M = -3x$ C. $M = 3x$ D. $M = 2x + 3$

Câu 37: Tìm đa thức P thỏa mãn $\frac{5(x-y)^2}{5x^2-5xy} = \frac{x-y}{P}$ (với điều kiện các phân thức có nghĩa)?

- A. $P = x + y$ B. $P = 5(x - y)$ C. $P = 5(y - x)$ D. $P = x$

Câu 38 : Kết quả rút gọn của phân thức $\frac{6x^2y^3}{18x^2y}$ là?

- A. $\frac{y^2}{2}$ B. $\frac{y^2}{3}$ C. $3y^2$ D. $\frac{xy^2}{3}$

Câu 39 : Mẫu thức chung của các phân thức $\frac{1}{x-1}; \frac{1}{x}$ là?

- A. $x - 1$ B. $x + 1$ C. $x^2 - 1$ D. $x(x - 1)$

Câu 40 : Mẫu thức chung của các phân thức $\frac{1}{6x^2y}; \frac{1}{x^2y^3}; \frac{1}{12xy^4}$ là?

- A. $12x^2y^3$ B. $12x^2y^4$ C. $6x^3y^2$ D. $12x^4y$

Câu 41 : Đa thức nào sau đây là mẫu thức chung của các phân thức $\frac{5x}{(x+3)^3}; \frac{7}{3(x+3)}$?

- A. $(x + 3)^3$ B. $3(x + 3)$ C. $3(x + 3)^3$ D. $(x + 3)^4$

Câu 42: Kết quả của phép tính $\frac{x^3}{x^2+1} + \frac{x}{x^2+1}$ là

- A. $-x$ B. $2x$ C. $\frac{x}{2}$ D. x

Câu 43: Kết quả của phép tính $\frac{1}{x-2} + \frac{1}{x+2}$ là:

- A. $\frac{2x}{x^2-4}$ B. $\frac{2}{x^2-4}$ C. $\frac{x}{x^2-4}$ D. $\frac{2x-4}{x^2-4}$

Câu 44: Phân thức $\frac{x-1}{x+1}$ là kết quả của phép tính nào dưới đây:

A. $\frac{x}{x+1} - \frac{2}{x+1}$ B. $\frac{x}{x+1} - \frac{1}{x+1}$ C. $\frac{x}{x-1} + \frac{1}{x-1}$ D. $\frac{x}{x+1} - \frac{-1}{x+1}$

Câu 45: Kết quả của phép tính $\frac{x-2}{x-y} + \frac{y-2}{y-x}$ là:

A. -1 B. $\frac{x-y}{y-x}$ C. 1 D. $\frac{x+y-2}{x-y}$

Câu 46: Kết quả của phép tính $\frac{1}{y(x-y)} - \frac{1}{x(x-y)}$ là:

A. $\frac{1}{xy}$ B. $\frac{x-y}{xy}$ C. $\frac{1}{x-y}$ D. $-\frac{1}{xy(x-y)}$

Câu 47: Chọn câu đúng: $\frac{x^2+3x}{5x-15} \cdot \frac{2x-6}{x^2+6x+9} =$

A/ $\frac{2x}{5}$ B/ $\frac{x+2}{5(x+3)}$ C/ $\frac{2x}{x+3}$ D/ $\frac{2x}{5(x+3)}$

Câu 48: Chọn câu đúng: $\frac{15x^2}{17y^4} \cdot \frac{34y^5}{15x^3} =$

A/ $\frac{10x}{3y}$ B/ $\frac{10y}{3x}$ C/ $\frac{2y}{x}$ D/ $\frac{10x+y}{3xy}$

Câu 49: Chọn kết quả đúng $\frac{6x^2+15x}{3x-4} \cdot \frac{3x^2-4x}{4x^2-25}$ là:

A/ $\frac{3x^2}{2x+5}$ B/ $\frac{-3x^2}{2x+5}$ C/ $\frac{3x}{2x-5}$ D/ $\frac{3x^2}{2x-5}$

Câu 50: Chọn câu đúng: $\frac{3x+12}{4x-16} \cdot \frac{8-2x}{x+4} =$

A/ $\frac{x+4}{x-4}$ B/ $\frac{-3(x+4)}{2}$ C/ $\frac{-3}{2}$ D/ $\frac{-3}{2(x+4)}$

CHÚC CÁC EM ĐẠT KẾT QUẢ TỐT NHÉ!

3. MÔN VẬT LÝ

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1

A. LÝ THUYẾT:

PHẦN 1- CHUYỂN ĐỘNG:

1. Chuyển động cơ học

Sự thay đổi vị trí của một vật theo thời gian so với vật mốc gọi là chuyển động cơ học.

2. Tính tương đối của chuyển động và đứng yên

Một vật có thể là chuyển động so với vật này nhưng lại là đứng yên so với vật khác tùy thuộc vào vật mốc.

3. Các dạng chuyển động thường gặp

- Chuyển động thẳng.
- Chuyển động cong. (chuyển động tròn là chuyển động cong đặc biệt)

4. Tốc độ:

- Tốc độ cho biết mức độ nhanh hay chậm của chuyển động và được xác định bằng độ dài quãng đường đi được trong một đơn vị thời gian.

- Công thức: $v = \frac{s}{t}$

v: vận tốc

s: độ dài quãng đường đi được

t: thời gian đi quãng đường đó

- Đơn vị hợp pháp của tốc độ: **m/s hoặc km/h**

5. Chuyển động đều

Chuyển động đều là chuyển động có tốc độ **không thay đổi** theo thời gian.

6. Chuyển động không đều

Chuyển động không đều là chuyển động có tốc độ **thay đổi** theo thời gian.

3. Vận tốc trung bình của chuyển động không đều:

Nếu có 1 quãng đường: $v_{tb} = \frac{s}{t}$

Nếu có nhiều quãng đường: $v_{tb} = \frac{s_1+s_2+\dots}{t_1+t_2+\dots}$

PHẦN 2- LỰC:

1/ Lực có thể làm biến dạng, thay đổi chuyển động (nghĩa là thay đổi vận tốc) của vật.

2/ Lực vừa có độ lớn vừa có phương và chiều nên được gọi là đại lượng véc tơ.

3/ Lực được biểu diễn bằng một mũi tên có:

- + Gốc là điểm đặt của lực.
- + Phương và chiều trùng với phương và chiều của lực.
- + Độ dài biểu thị cường độ của lực theo tỉ xích cho trước.

- Kí hiệu của véc tơ lực: \vec{F}

- Kí hiệu cường độ của lực : F

4/ Hai lực cân bằng là hai lực **cùng đặt lên một vật, có cường độ bằng nhau, phương cùng nằm trên một đường thẳng, chiều ngược nhau.**

- Dưới tác dụng của các lực cân bằng;

- + Một vật đang **đứng yên** thì sẽ **tiếp tục đứng yên**;
- + Một vật đang **chuyển động** thì sẽ **tiếp tục chuyển động thẳng đều**.

5/ Quán tính:

Khi có lực tác dụng, mọi vật không thể thay đổi vận tốc một cách đột ngột được vì có quán tính.

6/Lực ma sát:

- Lực ma sát trượt sinh ra khi một vật trượt trên bề mặt một vật khác.

- Lực ma sát lăn sinh ra khi một vật lăn trên bề mặt một vật khác.

* **Độ lớn của lực ma sát trượt lớn hơn nhiều so với độ lớn của lực ma sát lăn.**

- Lực ma sát nghỉ giữ cho vật không bị trượt hoặc lăn khi vật chịu tác dụng của lực khác.

- **Lực ma sát có thể có hại:**

Cách làm giảm:

- Bôi trơn dầu, nhớt, mỡ kỹ thuật
- Chuyển ma sát trượt thành ma sát lăn như gắn bánh xe, trụ lăn
- Giảm lực ép lên mặt tiếp xúc

- **Lực ma sát có thể có lợi:**

Cách làm tăng:

- Tăng độ nhám bề mặt tiếp xúc
- Bánh xe có khía, rãnh sâu
- Tăng diện tích tiếp xúc, tăng lực ép lên mặt tiếp xúc.

PHẦN 3 – ÁP SUẤT.

1. Áp lực là gì?

- Áp lực là lực ép có phương vuông góc với mặt bị ép.

VD: Lực của tủ, bàn ghế tác dụng lên sàn nhà.

2. Tác dụng của áp lực phụ thuộc vào những yếu tố nào?

- Tác dụng của áp lực càng mạnh khi áp lực càng lớn và diện tích bị ép càng nhỏ.

3. Công thức tính áp suất:

- Áp suất được tính bằng độ lớn của áp lực trên một đơn vị diện tích bị ép.

- Công thức tính áp suất: $p = \frac{F}{S}$

trong đó: p: áp suất (N/m²)

F: áp lực (N)

S: diện tích bị ép (m²)

- Đơn vị của áp suất: Pascan (kí hiệu là Pa)

1 Pa = 1 N/m²

* Lưu ý: Áp suất của vật rắn chỉ tác dụng theo 1 phương, đó là phương của áp lực (phương vuông góc với mặt bị ép).

4. Áp suất chất lỏng: Chất lỏng gây ra áp suất theo mọi phương lên đáy bình, thành bình và các vật trong lòng nó.

5. Công thức tính áp suất chất lỏng:

$$p = d \cdot h$$

trong đó: p: là áp suất tại một điểm trong chất lỏng (Pa hoặc N/m²)

d: trọng lượng riêng của chất lỏng (N/m³)

h: độ sâu của điểm cần tính áp suất (m).

* Lưu ý:

+ Những điểm trên cùng mặt phẳng nằm ngang (cùng độ sâu) thì có cùng áp suất.

+ Càng xuống sâu trong lòng chất lỏng thì áp suất chất lỏng càng tăng.

6. Bình thông nhau:

Trong bình thông nhau chứa cùng một chất lỏng đứng yên, các mặt thoáng của chất lỏng ở các nhánh khác nhau đều ở cùng một độ cao.

7. Máy thủy lực:

a/ Cấu tạo: gồm 2 xilanh, một nhỏ, một to, được nối thông với nhau. Trong 2 xilanh chứa đầy chất lỏng, thường là dầu. Hai xilanh được đậy kín bằng 2 pít-tông.

b/ Nguyên tắc hoạt động:

- Khi tác dụng lực F_1 lên pít-tông nhỏ có diện tích S_1 tạo ra áp suất p lên chất lỏng. Áp suất này truyền nguyên vẹn đến pít-tông lớn S_2 và gây ra lực F_2 nâng pít-tông này lên.

$$\frac{F_2}{F_1} = \frac{S_2}{S_1}$$

Kết luận: Khi S_2 lớn hơn S_1 bao nhiêu lần thì F_2 cũng lớn hơn F_1 bấy nhiêu lần.

8. Sự tồn tại của áp suất khí quyển:

- Do không khí có trọng lượng nên Trái Đất và mọi vật trên Trái Đất đều chịu áp suất của lớp không khí bao quanh Trái Đất. Áp suất này được gọi là áp suất khí quyển.
- Áp suất khí quyển tác dụng theo mọi phương.

9. Độ lớn của áp suất khí quyển:

- Để đo áp suất khí quyển, ngoài đơn vị Pascan (Pa), người ta còn dùng một số đơn vị khác: atm (atm), torr (Torr) hay milimét thủy ngân (mmHg)...

$$1 \text{ atm} = 101\,325 \text{ Pa}$$

$$1 \text{ Torr} = 1 \text{ mmHg} = 133,3 \text{ Pa}$$

$$1 \text{ atm} = 760 \text{ Torr} = 760 \text{ mmHg} = 76 \text{ cmHg.}$$

- Thông thường, áp suất khí quyển ở sát mặt nước biển là 1 atm.

- Áp suất khí quyển chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố như nhiệt độ, gió, độ cao...

* Lưu ý: càng lên cao không khí càng loãng nên áp suất khí quyển càng giảm.

4. MÔN LỊCH SỬ

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1

Bài 1: NHỮNG CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN ĐẦU TIÊN

- Ý nghĩa LS của CM Hà Lan thế kỉ XVI
- Kết quả và ý nghĩa cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ

Bài 2: CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

- Ý nghĩa LS của cuộc CM

Bài 3: CHỦ NGHĨA TƯ BẢN XÁC LẬP TRÊN PHẠM VI THẾ GIỚI

- Cách mạng công nghiệp ở Anh

Chủ đề: PHONG TRÀO CÔNG NHÂN CUỐI THẾ KỈ XVIII ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

- Các phong trào đấu tranh tiêu biểu (giai đoạn cuối thế kỉ XVIII đến cuối thế kỉ XIX)
- Sự ra đời của chủ nghĩa Mác và thành lập các tổ chức Quốc tế của công nhân

Bài 5: CÔNG XÃ PARIS 1871

- Cuộc khởi nghĩa ngày 18/3/1871 và sự thành lập Công xã.

Bài 6: CÁC NƯỚC ANH, PHÁP ĐỨC, MỸ CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

- Tình hình kinh tế, chính trị
- Đặc điểm tên gọi của chủ nghĩa đế quốc Anh, Pháp, Đức, Mỹ

Bài 7- MỤC II: CÁCH MẠNG NGA 1905 - 1907

- Nguyên nhân, diễn biến và ý nghĩa LS của cuộc CM.

Bài 9: ÁN ĐỘ THẾ KỈ XVIII - ĐẦU THẾ KỈ XX

- Chính sách thống trị của thực dân Anh
- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Ấn Độ

Bài 10: TRUNG QUỐC CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

- Trung Quốc bị các nước đế quốc chia xẻ
- Cách mạng Tân Hợi (1911)

Bài 12: NHẬT BẢN GIỮA THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

- Cuộc duy tân Minh Trị
- Đặc điểm tên gọi của chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản

Bài 13: CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914-1918)

- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến chiến tranh
- Kết cục của chiến tranh

Bài 15: CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI NGA NĂM 1917 VÀ CUỘC ĐẤU TRANH BẢO VỆ CÁCH MẠNG

- Cách mạng tháng Hai 1917
- Cách mạng tháng Mười 1917
- Ý nghĩa LS của cách mạng tháng Mười Nga

Bài 17: CHÂU ÂU GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

- Tình hình châu Âu sau Chiến tranh thế giới thứ nhất
- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 và hậu quả của nó

Bài 18: NƯỚC MỸ GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

- Nước Mỹ trong thập niên 20 của thế kỉ XX
- Nước Mỹ trong những năm 1929 – 1939

Bài 19: NHẬT BẢN GIỮA HAI CUỘC CHIẾN TRANH THẾ GIỚI (1918 - 1939)

- Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ nhất
- Nhật Bản trong những năm 1929 – 1939

5. ĐỊA LÝ

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1 CHỦ ĐỀ 1: CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN CỦA CHÂU Á

1. Vị trí địa lí và kích thước của châu lục

- * Nằm ở nửa cầu bắc, là một bộ phận của lục địa Á- Âu.
- * Lãnh thổ trải dài từ vùng cực bắc đến vùng xích đạo.
- * Giáp 3 đại dương: Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương
biển Địa Trung Hải, Châu Âu, Châu Phi.
- * Diện tích lớn nhất TG: 44,4 triệu km².

2. Địa hình và khoáng sản:

- Địa hình:** có nhiều hệ thống núi, sơn nguyên cao đồ sộ tập trung ở vùng trung tâm và nhiều đồng bằng rộng nằm xen kẽ nhau làm cho địa hình bị chia cắt phức tạp.
- Khoáng sản:** Phong phú và có trữ lượng lớn: dầu mỏ, khí đốt, than, sắt,...

3. Khí hậu:

a. Khí hậu Châu Á phân hóa rất đa dạng

- **Khí hậu phân hóa thành nhiều đới khí hậu khác nhau:** Do lãnh thổ trải dài từ vùng cực bắc đến vùng xích đạo nên châu Á có 5 đới khí hậu.

- **Trong các đới khí hậu lại phân hóa thành nhiều kiểu khí hậu khác nhau:** Vì lãnh thổ rất rộng, có núi, sơn nguyên cao ngăn ảnh hưởng của biển vào sâu nội địa và khí hậu thay đổi theo độ cao ở vùng núi và cao nguyên.

b. Khí hậu Châu Á phổ biến

* Kiểu khí hậu gió mùa:

- Phân bố: Nam Á, Đông Á, Đông Nam Á.
- Đặc điểm:
 - + Mùa đông lạnh- khô, mưa ít.
 - + Mùa hè nóng ẩm, mưa nhiều.

* Kiểu khí hậu lục địa:

- Phân bố: vùng nội địa và Tây Nam Á.
- Đặc điểm:

- + Mùa đông lạnh, khô.
- + Mùa hè nóng khô.
- + **4. Sông ngòi**

- Khá phát triển, nhiều hệ thống sông lớn.
- Phân bố không đều và có chế độ nước phức tạp.
- a. Sông ngòi Bắc Á:** Mạng lưới sông dày.
- Mùa đông nước đóng băng, mùa xuân có lũ băng.
- Các sông lớn: sông Ô- bi, Lê- na, Iênitxây...

b. Sông ngòi Nam Á, Đông Á, Đông Nam Á:

- Mạng lưới sông dày, nhiều sông lớn, lượng nước lớn vào mùa mưa.
- Các sông lớn: Hoàng Hà, Trường Giang, Mê công, sông Ấn, sông Hằng.

c. Sông ngòi Tây Nam Á và Trung Á:

- Ít sông, nguồn cung cấp nước do băng tuyết tan.

- Các sông lớn: sông A-mua Đaria, sông Xưa Đaria....
- **Giá trị kinh tế của sông: thủy lợi, du lịch, giao thông,...**

5. Các đới cảnh quan tự nhiên: Cảnh quan phân hóa rất đa dạng với nhiều loại: rừng lá kim, thảo nguyên, hoang mạc, cảnh quan núi cao,... (do sự phân hóa đa dạng về đới, kiểu khí hậu).

CHỦ ĐỀ 2: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ-XÃ HỘI, KINH TẾ CỦA CHÂU Á

I. Đặc điểm dân cư

- Một châu lục đông dân nhất thế giới
- Dân số: 3766 triệu người (năm 2002).
- Dân số tăng nhanh, mật độ dân số cao, dân cư phân bố không đều.
- Nhờ thực hiện chính sách dân số, tỉ lệ gia tăng dân số đã giảm ngang bằng mức trung bình của thế giới, nhưng Châu Á vẫn có số dân đông nhất so với các châu lục khác.
- Dân cư thuộc nhiều chủng tộc, nhưng chủ yếu là Môn- gô- lô- it và Ô- rô- pê- ô- it.

II. Đặc điểm phát triển kinh tế- xã hội các nước và lãnh thổ Châu Á hiện nay

- Sau chiến tranh thế giới thứ 2, nền kinh tế các nước có nhiều chuyển biến mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa hiện đại hóa, nhưng trình độ phát triển kinh tế giữa các nước và các vùng lãnh thổ không đều.
 - + Nhật Bản là nước phát triển cao nhất.
 - + Nước công nghiệp mới: Xin- ga- po, Hàn Quốc,...
 - + Nước nông, công nghiệp: Trung Quốc, Ấn Độ,..
 - + Nước đang phát triển: Lào, Campuchia,...
- Số lượng các nước nghèo khổ còn chiếm tỉ lệ cao.

III. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội ở các nước Châu Á

1. Nông nghiệp

a. Trồng trọt: Sản xuất lương thực: lúa gạo, lúa mì, ngô,...

- Lúa gạo chiếm 93% sản lượng lúa gạo, lúa mì chiếm 39% sản lượng lúa mì của thế giới.
- Sản xuất lương thực đạt kết quả vượt bậc ở một số nước như: Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan.
- Thái Lan và Việt Nam xuất khẩu gạo đứng thứ nhất và thứ 2 thế giới.

b. Chăn nuôi:

- Vùng khí hậu ẩm: trâu, bò, lợn, gà, vịt,...
- Vùng khô hạn: dê, bò, ngựa,...
- Vùng khí hậu lạnh Bắc Á: tuần lộc.

2. Công nghiệp

- Được ưu tiên phát triển ở nhiều nước, nhưng phát triển chưa đều.
- Cơ cấu ngành công nghiệp đa dạng, gồm công nghiệp khai khoáng, luyện kim, cơ khí,...

3. Dịch vụ: Các hoạt động dịch vụ rất được các nước coi trọng. Nhật Bản, Xingapo, Hàn Quốc có dịch vụ phát triển cao.

CHỦ ĐỀ 3 : CÁC KHU VỰC CỦA CHÂU Á

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ:

TÂY NAM Á	NAM Á	ĐÔNG Á
<ul style="list-style-type: none"> - Nằm trong khoảng vĩ độ từ 12⁰B- 42⁰B. - Vị trí chiến lược quan trọng: + Nằm ở ngã ba của 3 châu lục. Giáp nhiều biển, nhiều vịnh, Nam Á, Trung Á, Châu Âu, Châu Phi. + Khu vực có nhiều dầu mỏ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nằm trong khoảng vĩ độ từ 5⁰B- 37⁰B. - Giáp: Tây Nam Á, Đông Á, Đông Nam Á, biển A- rap, vịnh Ben- gan. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nằm trong khoảng vĩ độ từ 18⁰B- 50⁰B. - Lãnh thổ gồm 2 bộ phận: phần đất liền và phần hải đảo.

II. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

TÂY NAM Á	NAM Á	ĐÔNG Á
<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình: chủ yếu nhiều núi và cao nguyên. + Phía Đông Bắc: các dãy núi cao bao quanh các sơn nguyên. + Ở giữa: đồng bằng Lương Hà. + Phía Tây Nam: sơn nguyên A- rap. - Khí hậu: nhiệt đới khô. - Tài nguyên: dầu mỏ và khí đốt. 	<ul style="list-style-type: none"> * Địa hình: Có 3 miền địa hình: <ul style="list-style-type: none"> + Phía Bắc: hệ thống núi Hy- ma- lay- a. + Ở giữa: đồng bằng Ấn Hằng. + Phía Nam: sơn nguyên Đêcan, * Khí hậu: <ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình: + Mùa đông có gió mùa Đông Bắc, thời tiết lạnh khô. + Mùa hạ có gió mùa Tây Nam, nóng ẩm mưa nhiều. - Là một trong những khu vực có mưa nhiều nhất thế giới. - Vùng núi cao khí hậu thay đổi theo độ cao, phân hóa phức tạp. * Sông ngòi: Các sông lớn: sông Ấn, sông Hằng, sông Bra- ma- put. * Cảnh quan: Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, hoang mạc, cảnh quan núi cao. 	<ul style="list-style-type: none"> a) Địa hình và sông ngòi: <ul style="list-style-type: none"> * Phần đất liền: <ul style="list-style-type: none"> - Phía Đông: vùng đồi núi thấp, đồng bằng rộng và bằng phẳng. - Có 3 sông lớn: sông A- mua, sông Hoàng Hà, sông Trường Giang. Nguồn cung cấp nước do băng tuyết tan và mưa gió mùa. - Phía Tây: hệ thống núi, sơn nguyên cao, bồn địa rộng. * Phần hải đảo: <ul style="list-style-type: none"> - Miền núi trẻ, thường có động đất và núi lửa. b) Khí hậu và cảnh quan: <ul style="list-style-type: none"> * Phần phía Đông đất liền và hải đảo: <ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu gió mùa ẩm, mùa đông có gió mùa tây bắc khô lạnh, mùa hè có gió mùa đông nam mát ẩm, mưa nhiều. - Cảnh quan: rừng là chủ yếu. * Phía Tây đất liền : <ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu khô hạn quanh năm. - Cảnh quan : thảo nguyên, hoang mạc, bán hoang mạc.

III. ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, KINH TẾ:

NAM Á	ĐÔNG Á
<p>a) Dân cư:</p> <ul style="list-style-type: none">- Dân số: 1356 triệu người (năm 2001). Mật độ dân số cao nhất Châu Á.- Dân cư phân bố không đều, tập trung ở đồng bằng, khu vực có mưa nhiều, đô thị.- Dân cư chủ yếu theo Ấn Độ giáo và Hồi giáo. <p>b) Đặc điểm kinh tế- xã hội</p> <ul style="list-style-type: none">- Các nước trong khu vực có nền kinh tế đang phát triển, hoạt động nông nghiệp vẫn là chủ yếu.- Ấn Độ là nước có nền kinh tế phát triển nhất:+ Công nghiệp: hiện đại, nhiều ngành đạt trình độ cao. Sản lượng công nghiệp đứng thứ 10 thế giới.+ Nông nghiệp: phát triển mạnh, giải quyết tốt lương thực và thực phẩm.+ Dịch vụ: phát triển, chiếm tỉ trọng khá cao.	<ul style="list-style-type: none">- Dân số : 1509,5 triệu người (năm 2002).- Hiện nay, nền kinh tế các nước đang phát triển nhanh, tốc độ tăng trưởng cao. Quá trình phát triển theo hướng sản xuất để xuất khẩu.

** Dựa vào Tập bản đồ Địa Lí 8:*

Quan sát và dựa vào Tập Bản Đồ Địa lí 8 trả lời các câu hỏi bên dưới từ trang 4 đến trang 18.

** Hình thức: trắc nghiệm (40 câu).*

** Thời gian: 45 phút.*

** Kiểm tra cuối học kỳ I: trực tiếp.*

CHÚC CÁC EM KIỂM TRA CUỐI KỲ ĐẠT KẾT QUẢ CAO NHÉ!

6. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1

Bài 2: Liêm khiết

1. Thế nào là liêm khiết ?

Liêm khiết là phẩm chất đạo đức của con người thể hiện :

- Lối sống trong sạch;
- Không hám danh, hám lợi;
- Không bận tâm những toan tính nhỏ nhen, ích kỉ.

2. Ý nghĩa :

Sống liêm khiết sẽ làm cho con người :

- Sống thanh thản, sống có trách nhiệm;
- Nhận được sự quý trọng, tin cậy của mọi người;
- Xã hội trong sạch, tốt đẹp hơn.

Chủ đề: Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam

1. Pháp luật là :

- Các qui tắc xử sự chung;
- Có tính bắt buộc;
- Do nhà nước ban hành và đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp giáo dục, thuyết phục, cưỡng chế.

2. Kỷ luật là những qui định, qui ước của một cộng đồng, một tập thể nhằm đảm bảo sự phối hợp thống nhất và chặt chẽ

3. Đặc điểm của pháp luật:

- Tính quy phạm phổ biến;
- Tính xác định chặt chẽ;
- Tính cưỡng chế;

4. Ý nghĩa của pháp luật và kỉ luật

- Giúp mọi người có một chuẩn mực chung để rèn luyện và thống nhất hành động;
- Xác định trách nhiệm và quyền lợi của mọi người;
- Tạo điều kiện cho cá nhân và xã hội phát triển theo một hướng chung.

Bài: 8: Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác

1. Tôn trọng và học hỏi các dân tộc khác là :

- Tôn trọng chủ quyền, lợi ích và nền văn hóa của các dân tộc.
- Tìm hiểu và tiếp thu những điều tốt đẹp trên mọi lĩnh vực.
- Luôn thể hiện lòng tự hào dân tộc chính đáng.

2. Trách nhiệm của học sinh:

- Tích cực học tập, tìm hiểu đời sống và nền văn hóa của các dân tộc
- Tiếp thu một cách có chọn lọc, phù hợp với hoàn cảnh và truyền thống dân tộc ta.

Bài 10: Tự lập

1. Thế nào là tự lập ?

a) *Tự lập* là :

- Tự làm lấy, tự giải quyết lấy công việc, tự tạo dựng cho cuộc sống của mình;
- Không trông chờ, dựa dẫm vào người khác

b) *Biểu hiện:*

- Sự tự tin bản lĩnh cá nhân trước thử thách, khó khăn;
- Có ý chí, nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.

2. Ý nghĩa :

Người có tính tự lập:

- Sẽ thành công trong cuộc sống;
 - Được mọi người kính trọng.
- **HỌC SINH TÌM HIỂU CÁC BIỂU HIỆN ĐÚNG SAI VÀ TÌM HIỂU VỀ CÁC CẤU CẠC ĐẠO, TỤC NGỮ CỦA CÁC BÀI TRÊN.**

2. Theis air, water, land, animal and plants around us.
A. environment B. community C. organization D. program
3. Could you me a favor, please?
A. get B. do C. take D. make
4. My grandmother used to us stories in the evening.
A. say B. speak C. ask D. tell
5. Alexander Graham Bell was born.....March 3,1847.
A. at B. on C. in D. for
6. Her parents are proudher when seeing her good school result.
A. of B. for C. on D. with
7. The boy looked at in the mirror.
A. he B. herself C. himself D. him
8. I like his.....because he makes us laugh alot.
A. character B. face C. smile D. sense of humor
9. I find Peter is not communicative. He's rather..... in public.
A. reserved B. kind C. sociable D. humorous
10. You must the electrical sockets so that children won't be killed.
A. cover B. put C. include D. reach
11. A child whose parents have died is called a(n).....
A. orphan B. cousin C. neighbor D. nephew
12. You are too thin. You to eat more.
A. ought B. has C. should D. must
13. Can I to Mary, please? This is Nancy.
A. speak B. listen C. read D. write
14. May I help you? -.....
A. No, I don't need B. No, Thank you, I am fine. C. Yes, let's D. Yes, I'm fine
15. Don't let children play withbecause they can start a fire.
A. matches B. scissors C. knives D. chemicals
16. The Browns had to move when it started to rain.
A. upstairs B. outside C. around D. inside
17. We must keep all medicines and drugs children's reach.
A. inside B. out of C. under D. beneath
18. In my living room, there was a table.
A. beautiful wooden round C. wooden beautiful round
B. beautiful round wooden D. round wooden beautiful
19. His garden isn't as large mine.
A. than B. as C. so D. from
20. My dictionary is different Lien's.
A. from B. about C. than D. with

IV. Give the correct form of the verbs

1. I (read) _____ an interesting book at the moment.
2. How long _____ (you /know) _____ Mrs. Chi?
- I (know) _____ her for five years.
3. We (not see) _____ her since we were on holiday in Ha Long bay.

4. Trung usually (go) _____ to the library three times a week.
5. Yesterday I (be) _____ busy, I (not have) _____ time .
6. They (play) _____ badminton in the school yard at the moment.
7. That girl is old enough (go) _____ to school.
8. _____ Hoa (tell) _____ that story two hours ago?
9. I'm going (tell) _____ my parents about the result of my exam.
10. What time _____(you / go) _____ to the market tomorrow ?
11. Nam's father (work) _____ in this company for 20 years.
12. Mr. Quang (teach) _____ Math in this school since 2018.

V. Give the correct form of the words in brackets.

STT	VERB	NOUN	ADJ	ADV	MEANING
1		excellence	excellent	excellently	xuất sắc
2	establish	establishment	established		thành lập
3	pronounce	pronunciation	pronounced		phát âm
4		convenience	(in)convenient	conveniently	(K) tiện nghi
5	celebrate	celebration	celebrated		tổ chức, ăn mừng
6		awareness	aware		ý thức
7	cheapen	cheapness	cheap	cheaply	rẻ
8		citizen citizenship			công dân quyền công dân
9			bad	badly	tệ, làm cho tệ
10	comfort	comfort	(un)comfortable	(un)comfortably	thoải mái
11	select	selection	selective	selectively	lựa chọn
12		environment environmentalist	environmental	environmentally	môi trường nhà MT

1. The mall is so _____ to shop with you. (comfort)
2. My brother likes reading and he has got a lot of _____ books. (cheapen)
3. Your house is more _____ than his. (conveniently)
4. Don't read these words. Your _____ is incorrect. (pronounce)
5. They are going to _____ this work next year. (establishment)
6. My parents enjoy the play. The actors work _____ (excellent)

7. The shopping area is the best _____ (select) of all.
8. Mr. Hoan always teaches the _____ for his students. (aware)
9. We are _____ of Vietnam. We have the right to vote and to speak out. (citizenship)
10. We need to improve the _____ (environmental)

VI. Arrange the words into a complete sentence :

1. tried/ and /they fitted me perfectly /I / on the shoes

2. told me / her office immediately /Miss Jackson /to come into

3. was founded / President Ho Chi Minh / The Youth Union/ by

4. used to / Ha Noi /I was young/ My family/ when/ in / live

5. the meaning /in their mother tongue /write /They /of new words

VII. Reading the paragraph, make TRUE or False and choose the correct answer :

The experts think that it is a good idea for children to learn not just one, but two foreign languages.

They said that learning two foreign languages develops children's mind and increases their knowledge of other cultures.

The experts also believe that the two foreign languages that children learn should be completely

different from one another, for example English and Chinese, or French and Japanese.

In addition, they said that children should start to learn a foreign language as soon as possible,

from the age of about six.

1. It's a good idea for children to learn only one language. (TRUE / FALSE)
2. Learning two foreign languages can increase children's knowledge of other cultures. (TRUE / FALSE)
3. Children should learn two languages that are different from each other. (TRUE / FALSE)
4. It's not good for children to learn a foreign language at an early age. (TRUE / FALSE)
5. *The main idea of this paragraph :*

A. the learning foreign language	B. the learning foreign language of children
C. the difficulty in learning foreign language	D. Children study foreign language easily
6. *The best age to study foreign language is :*

A. just born	B. about 6	C. in primary	D. B & C are right
--------------	------------	---------------	--------------------

VIII. Choose the word (a, b, c, or d) that best fits each of the blank spaces.

One day, two men (21) _____ in the woods. Suddenly, they saw a huge black bear. One man immediately (22) _____ down, took off his backpack, and took out his sneakers. He began (23) _____ off his hiking boots. The other man looked (24) _____ him and said, "Are you crazy? Do you think you can run (25) _____ than that bear?" "No," replied the first man. "But I can run faster than (26) _____!"

take off (phrv) : cởi(giày...) *sneakers (n) : giày chạy bộ* *hiking boots (n) : giày đi bộ*

- | | | | |
|-------------|---------------|---------------|----------------|
| 1. a. hiked | b. are hiking | c. was hiking | d. were hiking |
| 2. a. sits | b. sited | c. sitted | d. sat |
| 3. a. take | b. taking | c. to take | d. b & c |
| 4. a. on | b. at | c. for | d. after |
| 5. a. fast | b. fastly | c. faster | d. more fast |
| 6. a. him | b. his | c. you | d. your |

IX. Rewrite the following sentences without changing their original meaning.

REPORTED SPEECH

S + **told / asked** + O + (not) **To.V**

S1 + **said (that)** + S2 + **should** + V₀// S1 + said to s.b (that) + S2 + **should** + V₀

- She said to me " Please give Tim this dictionary"
She told me _____
- The boy said " Can you take me to school early, Mom ?"
The boy asked his Mom _____
- She said to her child : "Don't put anything in the sockets"
She told her child _____
- " You should stay in bed right now ", his mother said
His mother advised _____
- " You shouldn't go out tonight , Mai ? "
He said _____

MODAL VERBS

SHOULD = OUGHT TO + V₀

MUST = HAVE TO + V₀

- You should prepare your lesson carefully
You ought _____
- You shouldn't go out at night . It's very dangerous .
You ought _____
- Parents should send their children to school.
Parents ought _____
- All applicants must take an entrance exam
All applicants have _____
- She must go to the hairdresser's soon .
She has _____

IT IS + ADJ + TO V

- 1. Pronouncing this word is very difficult .
It is not _____
- 2. Learning how to drive a car is not easy.
It is _____
- 3. It's very exciting to watch a football match.
Watching _____
- 4. To prepare your lesson before class is very necessary.
It's _____
- 5. Is it interesting to go swimming in the river .
Going _____

SO AS (NOT) TO / IN ORDER (NOT) TO

S + V + IN ORDER (not) TO + V

- 1. He opened the window.He wanted to let fresh air in.
.....
- 2. I took my camera.I wanted to take some photos.
.....
- 3. He studied really hard.He wanted to get better marks.
.....
- 4. Jason learns Chinese.His aim is to work in China.
.....
- 5. I've collected money.I will buy a new car.
.....
- 6. Many people left Turkey in 1960s.They wanted to find jobs in Germany.
.....
- 7. She attends to a course.She wants to learn chess.
.....
- 8. Linda turned on the lights.She wanted to see better.
.....
- 9. I will come with you.I want to help you.
.....
- 10. We are going to cinema.We will watch a horror film.
.....

8. MÔN ÂM NHẠC

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1

1. Ôn tập bài hát:

- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời, tập trình bày bài có tình cảm bài hát Tuổi Hồng
- Yêu cầu tập hát và học thuộc lời, tập trình bày bài có tình cảm bài hát Hò ba lí

2. Ôn tập bài Tập đọc nhạc:

- Tập đọc tên nốt và giai điệu, ghép lời bài TĐN số 3
- Tập đọc tên nốt và giai điệu, ghép lời bài TĐN số 4

3. Ôn tập Âm nhạc thường thức:

- Nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu và bài hát Bóng cây Konia
 - Tìm hiểu về tiểu sử và sự nghiệp nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu
 - Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời và nội dung bài hát Bóng cây Konia
- Tìm hiểu về các nhạc cụ dân tộc:
 - Cồng chiêng
 - Đàn T'rung
 - Đàn đá

4. Nhạc lí:

- Giọng song song
- Giọng La thứ hòa thanh
- Giọng cùng tên
- Thứ tự các dấu thăng, giáng trên hóa biểu

9. MÔN THỂ DỤC

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1

1. Nội dung: Bài thể dục liên hoàn.



2. Mục tiêu cần đạt:

- Biết cách thực hiện bài thể dục phát triển chung liên hoàn 35 nhịp.
- Thực hiện cơ bản đúng toàn bài.

10. MÔN TIN HỌC

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1

A. LÝ THUYẾT (NỘI DUNG BÀI GHI):

Câu 1: Ngôn ngữ lập trình là gì?

Trả lời: Ngôn ngữ lập trình là ngôn ngữ dùng để viết các chương trình máy tính.

Câu 2: Nêu các quy tắc đặt tên trong ngôn ngữ lập trình?

Trả lời:

- Không được đặt tên trùng nhau
- Tên không được trùng với từ khóa
- Tên không được bắt đầu bằng chữ số và không được chứa kí tự trống.
- Tên phải ngắn gọn, dễ nhớ và dễ hiểu.

Câu 3: Trong các tên sau đây: BAI TAP, 1D, program, D1. Tên nào hợp lệ trong chương trình Pascal?

Trả lời: D1

Câu 4: Cấu trúc chung của một chương trình Pascal có mấy phần?

Trả lời: có 2 phần

Câu 5: Tổ hợp phím dùng để dịch và chạy chương trình?

Trả lời:

- Alt + F9: Dịch chương trình
- Ctrl + F9: Chạy chương trình

Câu 6: Nêu một số kiểu dữ liệu cơ bản của Pascal ?

Trả lời:

- Byte, integer: số nguyên.
- Real: số thực.
- Char: một kí tự
- String: xâu kí tự

Câu 7: Các dữ liệu sau thuộc kiểu dữ liệu nào: 'Lop 8A', 'A', 5000, 5.3

Trả lời:

'Lop 8A': Kiểu dữ liệu String , 'A': kiểu dữ liệu Char , 5000: kiểu dữ liệu Integer, 5.3: kiểu dữ liệu Real.

Câu 8: Nêu Kí hiệu của các phép toán số học trong Pascal?

Trả lời:

- Phép cộng : +
- Phép trừ: -
- Phép nhân: *
- Phép chia: /
- Phép chia lấy phần nguyên: Div
- Phép chia lấy phần dư: Mod

Câu 9: Cho biết kết quả của phép toán 30 div 4?

Trả lời: 7

Câu 10: Cho biết kết quả của phép toán 20 mod 6?

Trả lời: 2

Câu 11: Nêu Kí hiệu các phép so sánh trong Pascal?

Trả lời:

- Bằng: =
- Nhỏ hơn: <

- Lớn hơn: >
- Khác: <>
- Nhỏ hơn hoặc bằng: <=
- Lớn hơn hoặc bằng: >=

Câu 12: Cho biết kết quả phép so sánh sau: $4*5 = 20$?

Trả lời: Đúng

Câu 13: Viết lệnh in giá trị của biến X ra màn hình?

Trả lời: Writeln(X);

Câu 14: Viết lệnh nhập giá trị cho biến X từ bàn phím?

Trả lời: Readln(X);

Câu 15: Lệnh Delay(5000); sẽ tạm ngừng chương trình trong thời gian bao lâu?

Trả lời: 5 giây

Câu 16: Nêu ý nghĩa của phần mềm Anatomy?

Trả lời: Hiểu về giải phẫu cơ thể người.

Câu 17: Các biến dùng trong chương trình cần phải được làm gì?

Trả lời: Khai báo ngay trong phần khai báo của chương trình

Câu 18: Cú pháp khai báo biến trong Pascal?

Trả lời: Var tên biến : kiểu dữ liệu;

Câu 19: Viết lệnh khai báo biến m có kiểu dữ liệu số nguyên?

Trả lời: var m : integer;

Câu 20: Nêu cú pháp câu lệnh gán giá trị cho biến?

Trả lời: Tên biến:= biểu thức;

Câu 21: Viết lệnh gán giá trị số 50 cho biến A?

Trả lời: A := 50;

Câu 22: Nêu cú pháp khai báo hằng trong Pascal?

Trả lời: Const tên hằng = giá trị ;

Câu 23: Viết lệnh khai báo hằng tên Pi có giá trị là 3.14?

Trả lời: Const Pi = 3.14;

Câu 24: Trình bày sự khác nhau giữa Biến và Hằng?

Trả lời: Giá trị của biến có thể thay đổi khi thực hiện chương trình còn giá trị của hằng thì không đổi.

Câu 25: Cho bài toán: Tính diện tích hình vuông, biết độ dài cạnh được nhập từ bàn phím. Xác định bài toán trên?

Trả lời:

- Input: độ dài cạnh
- Output: Diện tích hình vuông

Câu 26: Quá trình giải bài toán trên máy tính gồm các bước nào?

Trả lời:

- B1: Xác định bài toán
- B2: Mô tả thuật toán
- B3: Viết chương trình

Câu 27: Nêu cú pháp câu lệnh điều kiện dạng thiếu trong Pascal?

Trả lời: If <điều kiện> then <câu lệnh>;

Câu 28: Nêu cú pháp câu lệnh điều kiện dạng đủ trong Pascal?

Trả lời: If <Điều kiện> then <Câu lệnh 1 > else <câu lệnh 2>;

Câu 29: Nếu cho $x:=9$, giá trị của x là bao nhiêu sau câu lệnh: $\text{if } x > 5 \text{ then } x := x + 5$;

Trả lời: 14

11. MÔN SINH HỌC

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KỲ I

- 1. Cấu tạo ở cơ thể người, cơ quan nằm trong khoang ngực là cơ quan nào?**
→ Phổi, Tim
- 2. Khi chúng ta bơi cạn lực, hệ cơ quan nào dưới đây sẽ tăng cường độ hoạt động**
→ Hệ tuần hoàn, hệ hô hấp, hệ vận động
- 3. Hệ cơ quan nào dưới đây phân bố ở hầu hết mọi nơi trong cơ thể người ?**
→ Hệ tuần hoàn
- 4. Ở cấu tạo của tế bào, bào quan nào có vai trò điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào ?**
→ Nhân
- 5. Có mấy loại mô? Máu được xếp vào loại mô gì? Cấu tạo của mô thần kinh?**
→ Có 4 loại mô. Máu được xếp vào loại mô liên kết.
→ Mô thần kinh gồm: tế bào thần kinh (còn gọi là noron) và tế bào thần kinh đệm.
- 6. Ở xương dài của trẻ em, bộ phận nào có chứa tủy đỏ ?**
→ Mô xương xốp và khoang xương
→ Ở trẻ em tủy đỏ là nơi sản sinh ra hồng cầu
- 7. Nguyên nhân của sự mỏi cơ là do đâu?**
→ cơ thể không được cung cấp đủ ôxi nên tích tụ axit lactic đầu độc cơ.
- 8. Hoạt động của cơ phụ thuộc vào yếu tố nào?**
→ Trạng thái thần kinh, Nhịp độ lao động, khối lượng của vật cần di chuyển.
- 9. Bộ xương người có nhiều đặc điểm tiến hóa nào thích nghi với tư thế đứng thẳng và lao động:**
→ hộp sọ phát triển, lồng ngực nở rộng sang hai bên, cột sống cong ở 4 chỗ, xương chậu nở, xương đùi lớn, bàn chân hình vòm, xương gót chân lớn, phát triển
- 10. Chúng ta thường bị mỏi cơ trong trường hợp nào?**
→ Giữ nguyên một tư thế trong nhiều giờ, Lao động nặng trong thời gian dài, Tập luyện thể thao quá sức
Để cơ và xương phát triển cân đối, chúng ta cần lưu ý điều gì ?
→ ngồi học/làm việc cần giữ đúng tư thế, tránh cong vẹo cột sống, Lao động vừa sức, Rèn luyện thân thể thường xuyên
- 11. Khi hồng cầu kết hợp với chất khí nào thì máu sẽ có màu đỏ tươi?**
→ Khí O₂
- 12. Trong cơ thể người, loại tế bào nào dưới đây có khả năng tiết kháng thể?**
→ Bạch cầu Limpho B
- 13. Có mấy loại miễn dịch? Khi được tiêm phòng vacxin thủy đậu, chúng ta sẽ không bị mắc căn bệnh này trong tương lai. Đây là dạng miễn dịch nào ?**
→ Có 2 loại miễn dịch: Tự nhiên và nhân tạo. Tiêm phòng vacxin thủy đậu là miễn dịch nhân tạo.
- 14. Ở người có mấy nhóm máu chính? Người có nhóm máu AB có thể truyền cho người có nhóm máu nào?**
→ Có 4 nhóm máu chính. O, A, B, AB. Người có nhóm máu AB có thể truyền cho người có nhóm máu AB.
- 15. Bệnh xơ vữa động mạch có mối liên hệ mật thiết với loại lipit nào dưới đây ?**
→ Côlesterôn
- 16. Một chu kỳ co dẫn của tim có mấy pha?**
→ Mỗi chu kỳ co dẫn của tim có 3 pha: pha nhĩ co, pha thất co, pha dẫn chung.

17. Loại mạch máu nào có chức năng dẫn máu từ tim đến các cơ quan với vận tốc cao, áp lực lớn
 → Động mạch
18. Ở người, loại mạch nào là nơi xảy ra sự trao đổi chất với tế bào ?
 → Mao mạch
19. Huyết áp tối đa đo được khi nào?
 → Tâm thất co
20. Nhịp tim sẽ tăng lên trong trường hợp nào sau?
 → . Khi bị khuyết tật tim, sử dụng các chất kích thích, Khi cơ thể trải qua cú sốc nào đó: sốt cao,....
 Để phòng ngừa các bệnh tim mạch, chúng ta cần lưu ý điều gì ?
 → Vận động thường xuyên, ăn nhiều rau quả, nói không với rượu, bia...
21. Đường dẫn khí gồm các cơ quan nào?
 → Mũi, họng, thanh quản, khí quản, phế quản.
22. Sự thông khí ở phổi được thực hiện nhờ hoạt động nào?
 → Cử động hô hấp hít vào, thở ra Lồng ngực nâng lên, hạ xuống. Thay đổi thể tích lồng ngực.
23. Trao đổi khí ở phổi là quá trình như thế nào?
 → Lấy O₂ và Thải CO₂
24. Hãy cho biết hệ cơ quan nào thực hiện trao đổi khí O₂, CO₂ giữa cơ thể và môi trường?
 → Hệ hô hấp
25. Quá trình hô hấp gồm:
 → Sự thở, sự trao đổi khí ở tế bào và sự trao đổi khí ở phổi
26. Số lớp cấu tạo của thành dạ dày là bao nhiêu? → 4 lớp
27. Dịch mật được tiết ra từ đâu? → . Gan
28. Tác dụng của việc ăn chậm, nhai kĩ là gì?
 Giúp nhai nghiền thức ăn tốt.
 Thức ăn được trộn và thấm đều với nước bọt hơn.
 Kích thích sự tiết men tiêu hóa ở dạ dày và ruột thuận lợi
29. Các hoạt động biến đổi lí học xảy ra trong khoang miệng là:
 → Tiết nước bọt, Nhai và đảo trộn thức ăn, Tạo viên thức ăn
30. Thức ăn được đẩy từ thực quản xuống dạ dày nhờ hoạt động của cơ nào?
 → Các cơ ở thực quản
31. Biến đổi lí học ở dạ dày có sự tham gia của :
 → Tuyến vị và Các lớp cơ ở dạ dày.
32. Thông thường, thức ăn được lưu giữ ở dạ dày trong bao lâu ?
 → 3 – 6 giờ
33. Ở ống tiêu hóa chất dinh dưỡng được hấp thụ qua cơ quan nào?
 → Ruột non
34. Ở ruột non sự biến đổi thức ăn chủ yếu là biến đổi gì?
 → biến đổi hóa học.

12. MÔN CÔNG NGHỆ

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1

Câu 1: Hình chiếu là gì? Có mấy hình chiếu? Vị trí các hình chiếu trên Bản vẽ kỹ thuật ?

- Hình chiếu là hình nhận được của vật thể ở trên mặt phẳng chiếu.

- Có 3 hình chiếu:

- + Hình chiếu đứng: có hướng chiếu từ trước tới,
- + Hình chiếu bằng : có hướng chiếu từ trên xuống
- + Hình chiếu cạnh: có hướng chiếu từ trái sang.

- **Vị trí các hình chiếu:**

- + Hình chiếu đứng đặt ở góc trên bên trái bản vẽ
- + Hình chiếu bằng ở dưới hình chiếu đứng
- + Hình chiếu cạnh bên phải hình chiếu đứng.

Câu 2 : Hình cắt là gì? Hình cắt dùng để làm gì?

- Hình cắt là hình nhận được của vật thể ở sau mặt phẳng cắt.

- Hình cắt dùng để biểu diễn rõ hơn hình dạng bên trong của vật thể

Câu 3: Nội dung và trình tự đọc Bản vẽ chi tiết?

* Nội dung của bản vẽ chi tiết:

gồm 4 nội dung : hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kỹ thuật, khung tên

* Trình tự đọc Bản vẽ chi tiết : gồm 5 bước

B1: Khung tên

B2: Hình biểu diễn

B3: Kích thước

B4: Yêu cầu kỹ thuật

B5: Tổng hợp

Câu 4 : Nội dung và trình tự đọc Bản vẽ lắp?

* Nội dung Bản vẽ lắp:

gồm 4 nội dung : hình biểu diễn, kích thước, bảng kê, khung tên

* Trình tự đọc Bản vẽ lắp: gồm 6 bước

B1: Khung tên

B2: Bảng kê

B3: Hình biểu diễn

B4: Kích thước

B5: Phân tích chi tiết

B6: Tổng hợp

Câu 5 : Nội dung và trình tự đọc Bản vẽ nhà ?

* Nội dung Bản vẽ nhà:

gồm 3 nội dung : mặt đứng, mặt bằng, mặt cắt

* Trình tự đọc Bản vẽ nhà: gồm 4 bước

B1: Khung tên

B2: Hình biểu diễn

B3: Kích thước

B4: Các bộ phận

Câu 6 : Thế nào là ren ngoài? Quy ước vẽ ren ngoài?

- Ren ngoài là ren được hình thành ở mặt ngoài của chi tiết.

Quy ước:

- Đường đỉnh ren, đường giới hạn ren, vòng đỉnh ren : được vẽ bằng nét liền đậm

- Đường chân ren, vòng chân ren được vẽ bằng nét liền mảnh

Câu 7: Thế nào là ren trong? Quy ước vẽ ren trong?

- Ren trong là ren được hình thành ở mặt trong của lỗ

Quy ước:

- Đường đỉnh ren, đường giới hạn ren, vòng đỉnh ren : được vẽ bằng nét liền đậm

- Đường chân ren, vòng chân ren được vẽ bằng nét liền mảnh

Câu 8: Các tính chất cơ bản của vật liệu cơ khí? Trong cơ khí đặc biệt quan tâm đến 2 tính chất nào?

Gồm 4 tính chất :

- Tính chất cơ học : tính cứng, tính dẻo, tính bền
- Tính chất vật lý : tính dẫn điện, dẫn nhiệt, nhiệt độ nóng chảy
- Tính chất hóa học : tính chịu axit và muối, tính chống ăn mòn,..
- Tính chất công nghệ : tính đúc, tính hàn, tính rèn, khả năng gia công cắt gọt,..

Trong cơ khí đặc biệt quan tâm đến 2 tính chất là tính chất cơ học và tính chất công nghệ.

Câu 9: Hãy kể tên các dụng cụ đo và kiểm tra; dụng cụ tháo lắp và kẹp chặt; dụng cụ gia công?

* Dụng cụ đo và kiểm tra:

- Thước đo chiều dài (thước lá, thước cuộn)

- Thước đo góc (ê ke, ke vuông, thước đo góc vạn năng)

* Dụng cụ tháo lắp: mỏ lết, cờ lê, tua vít

* Dụng cụ kẹp chặt: ê tô, kìm

* Dụng cụ gia công: búa, cưa, đục, dũa.

Câu 10: Chi tiết máy là gì? Phân loại?

- Chi tiết máy là phần tử có cấu tạo hoàn chỉnh và thực hiện một nhiệm vụ nhất định trong máy.

- Chi tiết máy được chia thành 2 nhóm:

+ Nhóm chi tiết có công dụng chung : Vd: bulông, đai ốc, bánh răng, lò xo ...

+ Nhóm chi tiết có công dụng riêng : Vd: kim máy may, khung xe đạp,...

Câu 11: Thế nào là mối ghép cố định? Mối ghép cố định gồm những loại mối ghép nào?

- Mối ghép cố định là mối ghép mà các chi tiết được ghép không có sự chuyển động tương đối với nhau.

- Gồm 2 loại là :

+ Mối ghép tháo được vd : mối ghép bằng ren, mối ghép bằng then, mối ghép bằng chốt

+ Mối ghép không tháo được vd: mối ghép bằng hàn, mối ghép bằng đinh tán

Câu 12: Thế nào là mối ghép động (khớp động)? Kể tên các loại khớp động thường gặp?

- Mối ghép động là mối ghép mà các chi tiết được ghép có sự chuyển động tương đối với nhau.

- Các loại khớp động gồm : khớp tịnh tiến , khớp quay, khớp cầu, khớp vít

Câu 13: Truyền động đai thuộc về bộ truyền động nào?

Nêu cấu tạo bộ truyền động đai?

Ứng dụng của bộ truyền động đai ?

- Truyền động đai thuộc về truyền động ma sát.

- Cấu tạo gồm: bánh dẫn, bánh bị dẫn, và dây đai

- Ứng dụng : máy khâu, máy khoan, máy tiện, ô tô,..

Câu 14: Truyền động bánh răng thuộc về bộ truyền động nào?

Nêu cấu tạo bộ truyền động bánh răng?

Ứng dụng của bộ truyền động bánh răng ?

- Truyền động bánh răng thuộc về bộ truyền động ăn khớp.

- Cấu tạo gồm : bánh dẫn và bánh bị dẫn.

- Ứng dụng: đồng hồ, hộp số xe máy,..

Câu 15: Truyền động xích thuộc về bộ truyền động nào?

Nêu cấu tạo bộ truyền động xích?

Ứng dụng của bộ truyền động xích ?

- Truyền động xích thuộc về bộ truyền động ăn khớp
- Cấu tạo gồm : đĩa dẫn, đĩa bị dẫn và xích
- Ứng dụng: xe đạp, xe máy, máy nâng chuyển,..

Câu 16 : Để biến chuyển động quay thành chuyển động tịnh tiến ta thường dùng cơ cấu nào?

Nêu cấu tạo của cơ cấu đó? Ứng dụng của cơ cấu đó?

Để biến chuyển động quay thành chuyển động tịnh tiến ta thường dùng cơ cấu tay quay_ con trượt

- Cấu tạo gồm 04 bộ phận: tay quay, thanh truyền, con trượt và giá đỡ.
- Ứng dụng: máy khâu, máy cưa gỗ, ô tô,..

Câu 17 : Chức năng của nhà máy điện và đường dây dẫn điện là gì?

- Nhà máy điện có chức năng biến đổi các dạng năng lượng : nhiệt năng, thủy năng, năng lượng nguyên tử ... thành điện năng.

- Đường dây dẫn điện có chức năng truyền tải điện năng từ nhà máy điện đến nơi tiêu thụ

+ Gồm đường dây truyền tải điện áp cao áp và đường dây truyền tải điện áp thấp

Câu 18 : Tai nạn điện thường xảy ra do những nguyên nhân nào?

Tai nạn điện xảy ra thường do một trong các nguyên nhân sau:

- Do chạm trực tiếp vào vật mang điện
- Do vi phạm khoảng cách an toàn đối với lưới điện cao áp và trạm biến áp.
- Do đến gần dây dẫn có điện bị đứt rơi xuống đất

LƯU Ý: - XEM LẠI CÁC BÀI TẬP THỰC HÀNH VỀ NHẬN DẠNG CÁC HCD, HCB, HCC CỦA MỘT VẬT THỂ ở trang 21, 26, 27, 54, 55.

13. HÓA HỌC

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1

Câu 1: Nhóm gồm các vật thể tự nhiên:

Con mèo, cây xoài, biển, núi, con bướm, mây . . .

Câu 2: Nhóm gồm các vật thể nhân tạo:

Ti vi, quyển sách, cái bàn, bức tranh, xe máy, máy bơm . . .

Câu 3: Công thức hóa học của Al (III) và O (II) là:

Al₂O₃

Câu 4: Kí hiệu hóa học của các nguyên tố Carbon, Nitrogen, Phosphorus, Calcium, Zinc, Aluminium lần lượt là:

C, N, P, Ca, Zn, Al

Câu 5: Tên theo IUPAC của các kí hiệu hóa học S, Na, H, Fe, Cl, O lần lượt:

Sulfur, Sodium, Hydrogen, Iron, Chlorine, Oxygen.

Câu 6: Biết O = 16, S = 32. Nguyên tử O nặng hay nhẹ hơn, bằng bao nhiêu lần nguyên tử S ?

$\frac{O}{S} = \frac{16}{32} = 0,5 < 1 \Rightarrow$ Nhẹ hơn, bằng 0,5 lần

Câu 7: Biết C = 12 và nguyên tử A nặng gấp hai lần nguyên tử C. Nguyên tử khối của nguyên tử A là:

$12 \cdot 2 = 24 \Rightarrow 24 \text{ đvC}$

Câu 8: Cách viết 2Cl chỉ ý gì?

2 nguyên tử Chlorine

Câu 9: Nhóm gồm công thức hóa học của hợp chất:

CuSO₄, KOH, H₂O, NaCl, Ba(OH)₂, SO₃ . . .

Câu 10: Nhóm gồm công thức hóa học của đơn chất:

O₂, C, Na, Ba, Cl₂, H₂ . . .

Câu 11: Nhóm gồm đơn chất phi kim:

H₂, S, O₂, P, C, N₂ . . .

Câu 12: Nhóm gồm đơn chất kim loại:

Ag, Cu, Fe, Mg, K, Zn . . .

Câu 13: Biết 1 đvC = 0,16605.10⁻²³ g, Ca = 40. Khối lượng tính bằng gam của nguyên tử Ca là

0,16605.10⁻²³ . 40 = 6,642. 10⁻²³ g

Câu 14: Biết O = 16, C = 12. Phân tử khối của phân tử CO₂ là

12 + 16.2 = 44 đvC

Câu 15: Công thức hóa học của đơn chất khí Nitrogen là

N₂

Câu 16: Phân tử A gồm 2 K, 1 C, 3 O. Công thức hóa học của phân tử A là.

K₂CO₃

Câu 17: Biết H = 1, O = 16, S = 32. Công thức hóa học H₂SO₄ cho biết:

- **Gồm 3 nguyên tố H, S, O tạo nên chất.**
- **Có 2H, 1S, 4O trong phân tử.**
- **Phân tử khối là: 2.1 + 32 + 4.16 = 98 đvC.**

Câu 18: Để chỉ hai phân tử Oxygen ta viết:

2 O₂

Câu 19: Biết Cl (I). Cho biết hóa trị của nguyên tố Cu có trong hợp chất CuCl₂ là

II

Câu 20: Công thức hóa học của hợp chất gồm Mg (II) và nhóm SO₄ (II) là **MgSO₄**

Câu 21: Cho các công thức hóa học: NaOH, HCl, ZnCl, K₂CO₃. Công thức viết sai là

ZnCl

Câu 22: Trong hợp chất, oxygen có hóa trị:

II

Câu 23: Hiện tượng vật lí:

Cắt nhỏ lá nhôm (aluminium) tạo thành nhiều mảnh nhỏ.

Câu 24: Hiện tượng hóa học:

Sulfur cháy tạo thành khí Sulfur dioxide có mùi hắc.

Câu 25: Hiện tượng xé giấy là

Hiện tượng vật lí

Câu 26: Cho kim loại zinc (Zn) vào dung dịch hydrochloric acid (HCl) thấy có sủi bọt khí không màu. Dấu hiệu chứng tỏ phản ứng hóa học đã xảy ra là gì?

Sủi bọt khí.

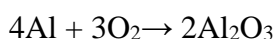
Câu 27: Cho 1,5 g Mg tác dụng với khí O₂ sinh ra 2,5 g MgO. Khối lượng khí O₂ cần dùng là

$$1,5 + m_{O_2} = 2,5 \Rightarrow m_{O_2} = 2,5 - 1,5 = 1 \text{ g}$$

Câu 28: Cho 5,6 g CaO tác dụng với 7,3 g HCl thu được CaCl₂ và 1,8 g H₂O. Khối lượng CaCl₂ sinh ra là

$$5,6 + 7,3 = m_{CaCl_2} + 1,8 \Rightarrow m_{CaCl_2} = (5,6 + 7,3) - 1,8 = 11,1 \text{ g}$$

Câu 29: Cho sơ đồ Al + O₂ → Al₂O₃. Hệ số cân bằng của các chất có trong sơ đồ trên là



4: 3: 2

Câu 30: Công thức hóa học còn thiếu trong sơ đồ phản ứng sau: O₂ + . . . → K₂O là

K

Câu 31: Cho PTHH: 2Al + 3CuSO₄ → Al₂(SO₄)₃ + 3Cu. Tỉ lệ cặp đơn chất kim loại lần lượt là

2: 3

Câu 32: Biết 1 mol có chứa 6. 10²³ hạt . Số hạt của 3 mol phân tử H₂O là

$$3 \cdot 6 \cdot 10^{23} = 18 \cdot 10^{23} \text{ hạt}$$

Câu 33: Biết Ca = 40, C = 12, O = 16. Khối lượng mol của CaCO₃ là

$$40 + 12 + 16 \cdot 3 = 100 \text{ g/mol}$$

Câu 34: Thể tích 1 mol chất khí ở điều kiện chuẩn (25°C, 1 bar) là

24,79 lít

Câu 35: Công thức tính khối lượng chất là

$$m = n \cdot M \text{ (g)}$$

Câu 36: Biết Cu = 64. Khối lượng của 0,5 mol nguyên tử Cu là

$$m = n \cdot M = 0,5 \cdot 64 = 32 \text{ g}$$

Câu 37: Công thức tính thể tích chất khí ở điều kiện chuẩn (25°C, 1 bar) là

$$V = n \cdot 24,79 \text{ (l)}$$

Câu 38: Thể tích của 0,15 mol khí CO₂ ở điều kiện chuẩn (25°C, 1 bar) là

$$V = n \cdot 24,79 = 0,15 \cdot 24,79 = 3,7185 \text{ (l)}$$

Câu 39: Cho biết thể tích của 16 gam khí O₂ là bao nhiêu? Biết O = 16 và thể tích ở điều kiện chuẩn (25°C, 1 bar)

$$n = \frac{m}{M} = \frac{16}{16 \cdot 2} = 0,5 \text{ mol}$$

$$V = n \cdot 24,79 = 0,5 \cdot 24,79 = 12,395 \text{ (l)}$$

Câu 40: Biết N = 14. Khối lượng của 1,4874 lít khí N₂ ở điều kiện chuẩn (25°C, 1 bar) là

$$n = \frac{V}{24,79} = \frac{1,4874}{24,79} = 0,06 \text{ mol}$$

$$m = n \cdot M = 0,06 \cdot (14 \cdot 2) = 1,68 \text{ (g)}$$

Câu 41: Biết Cl = 35,5; H = 1. Tỉ khối của khí Cl₂ so với khí H₂ là

$$d_{Cl_2/H_2} = \frac{M_{Cl_2}}{M_{H_2}} = \frac{2 \cdot 35,5}{2 \cdot 1} = 35,5 \text{ lần}$$

Câu 42: Hiện tượng khi thả quả bóng có bơm khí CO₂ trong không khí là

$$d_{CO_2/KK} = \frac{M_{CO_2}}{29} = \frac{12+2 \cdot 16}{29} = 1,51 \text{ lần} > 1$$

⇒ Quả bóng rơi xuống đất

Câu 43: Biết H = 1, d_{A/H₂} = 14 lần, Khối lượng mol của khí A là

$$d_{A/H_2} = \frac{M_A}{M_{H_2}} \Rightarrow M_A = d_{A/H_2} \cdot M_{H_2} = 14 \cdot (2 \cdot 1) = 28 \text{ g/mol}$$

Câu 44: Có thể thu khí CH₄ (biết CH₄ = 16 g/mol) bằng cách đặt bình như thế nào?

$$d_{CH_4/KK} = \frac{M_{CH_4}}{29} = \frac{16}{29} = 0,55 \text{ lần} < 1, \text{ vậy } CH_4 \text{ bay lên.}$$

⇒ Ngược bình (Úp bình)

Câu 45: Biết S = 32, O = 16. Tỷ lệ thành phần phần trăm theo khối lượng nguyên tố S có trong công thức SO₂ là

$$\%S = \frac{m_S \cdot 100\%}{M_{SO_2}} = \frac{32 \cdot 100\%}{32+16 \cdot 2} = 50 \%$$

-----HẾT-----

TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN PHÚ**Họ và tên HS: Lớp: 8/.....****Dặn dò:**

Các em ôn tập các nội dung ôn tập KT cuối kì 1, ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, nội dung cần hướng dẫn thêm khi thực hiện các nhiệm vụ học tập và gửi lại cho nhà trường (thông qua bộ phận điều phối tài liệu/ giáo viên chủ nhiệm).

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
1	Ngữ văn		
2	Toán		
3	Vật lý		
4	Lịch sử		
5	Địa lý		
6	GDCD		
7	Tiếng Anh		
8	Âm nhạc		
9	Mỹ thuật		
10	Thể dục		

STT	Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
11	Tin học		
12	Sinh học		
13	Công nghệ		
14	Hóa học		